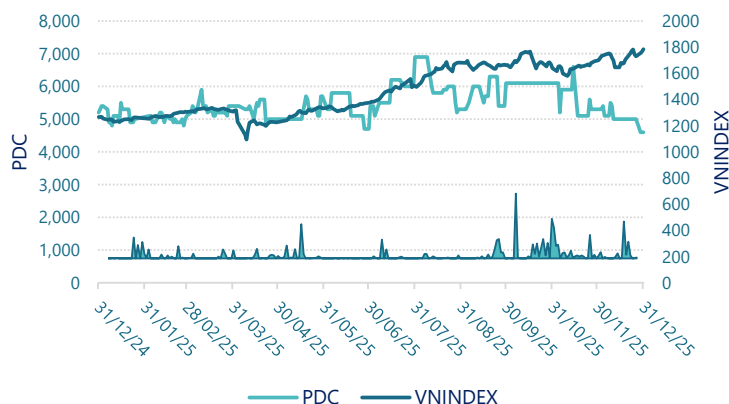


CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông (UPCOM: PDC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,095
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	69
P/E	12.8
EPS	360

DT thuần

Q4/25

12.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.12 | 47.7%

YoY: ▲ 2.00 | 18.7%

LN sau thuế

Q4/25

0.83

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.47 | -63.9%

YoY: ▲ 2.13 | 164%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

14.6%

+/- YoY: ▲ 6.2%

DT thuần

2025

44.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 2.90 | -6.1%

LN sau thuế

2025

5.39

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.38 | 34.5%

ROE

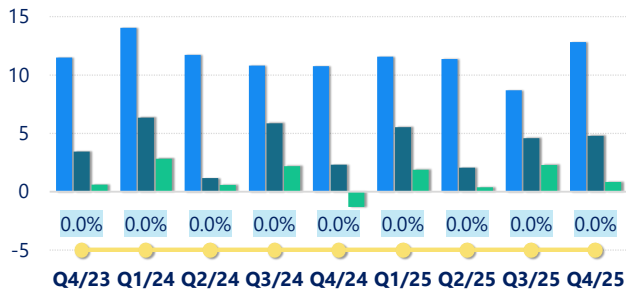
2025

3.7%

+/- YoY: ▲ 0.9%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

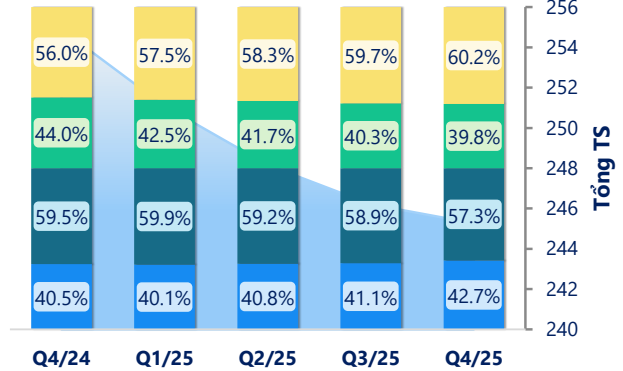


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

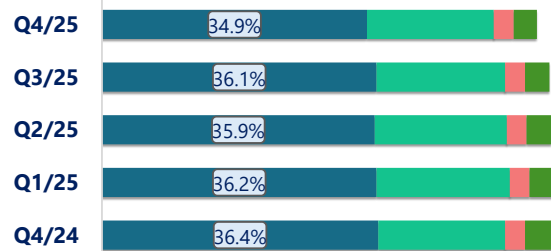
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

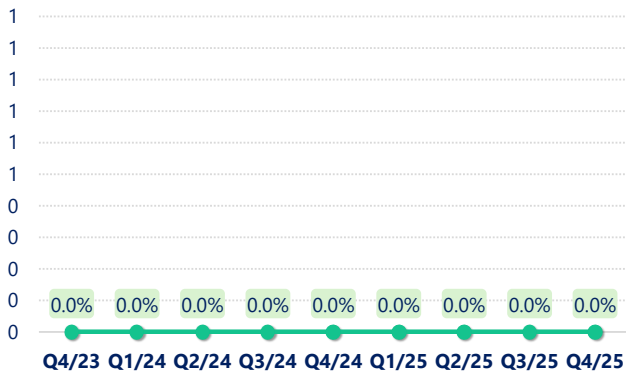


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Tài sản dài hạn khác
Đầu tư tài chính dài hạn
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

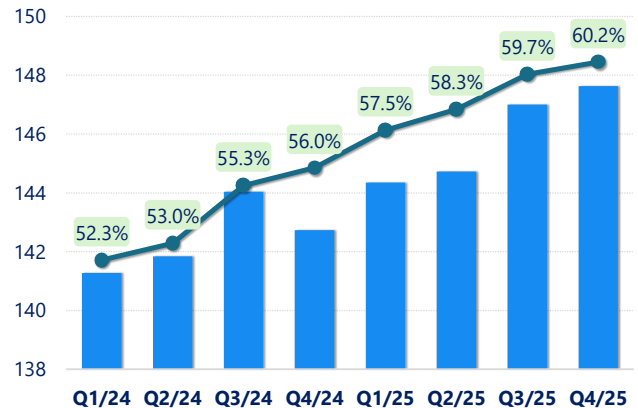


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

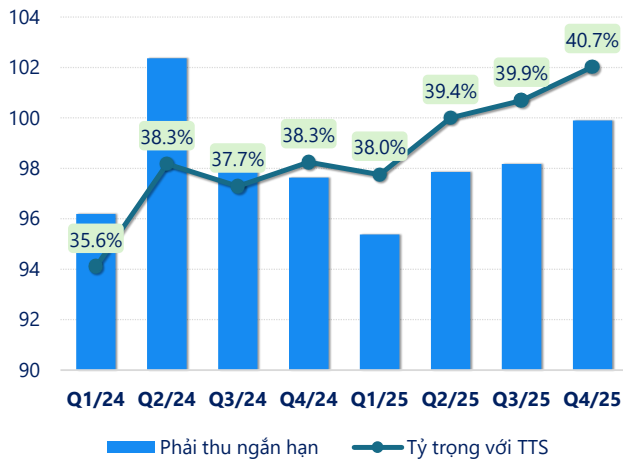
Vốn chủ sở hữu



Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

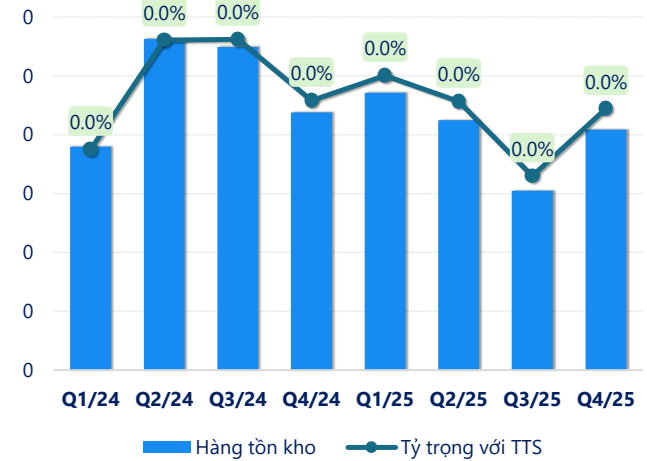
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


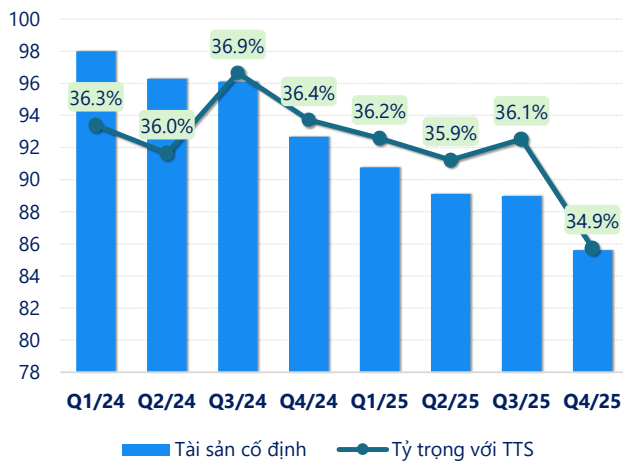
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


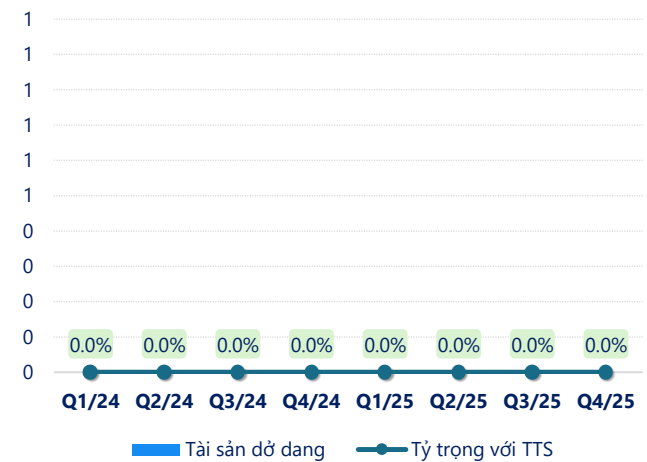
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

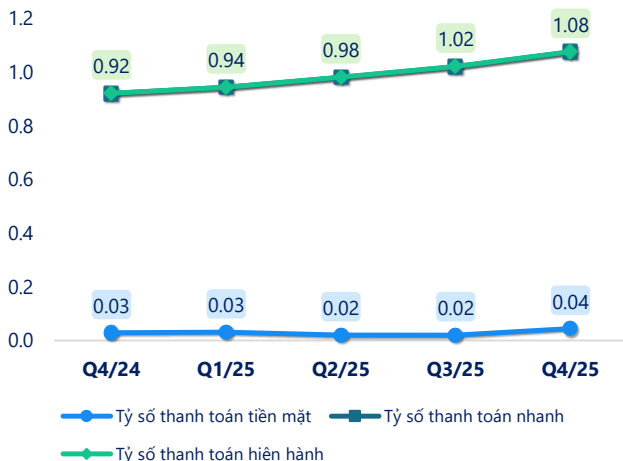
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

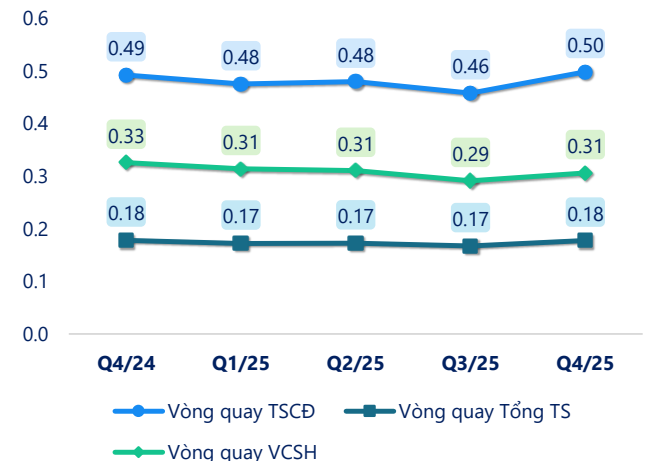
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	255	251	248	246	245
Tài sản ngắn hạn	103	101	101	101	105
Tiền và tương đương tiền	3.18	3.26	2.08	2.02	4.32
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	97.6	95.4	97.9	98.2	99.9
Hàng tồn kho	0.09	0.09	0.08	0.06	0.08
Tài sản ngắn hạn khác	2.28	1.90	1.25	0.91	0.53
Tài sản dài hạn	152	150	147	145	140
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tài sản cố định	92.7	90.8	89.1	89.0	85.6
Bất động sản đầu tư	42.6	44.1	43.2	41.7	40.8
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	6.63	6.44	6.44	6.44	6.44
Tài sản dài hạn khác	9.80	9.19	8.17	7.91	7.52
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	112	107	103	99.2	97.6
Nợ ngắn hạn	112	107	103	99.1	97.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	109	103	100.0	96.1	94.1
Nợ dài hạn	0.16	0.16	0.21	0.16	0.21
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	143	144	145	147	148
Vốn chủ sở hữu	143	144	145	147	148
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)